| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN U MINH**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **51**/2022/DS-ST
Ngày 09-6-2022
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Minh Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Đẳng

Ông Trần Huy Quang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Lê Hữu P, sinh năm 1967 (có mặt)

2. Bà Mai Thị M, sinh năm 1971 (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bà Mai Thị M:* Ông Lê Hữu P, sinh năm 1967 – Theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 4 năm 2022 của bà Mai Thị M.

- *Bị đơn:* 1. Ông Ngô Văn C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 06-01-2022, nguyên đơn ông Lê Hữu P và bà Mai Thị M trình bày:* Trong quá trình ông P và bà M làm chủ hụi, ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị T có tham gia 02 dây hụi, cụ thể:

Dây thứ nhất: Mở ngày 30-11-2012 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, có 24 phần, ông C và bà T tham gia 02 phần. Sau khi hốt kỳ khui hụi tháng 01/2013 và tháng 5/2013, ông C và bà T đóng hụi đến hết tháng 4/2014 thì ngưng cho đến nay. Số tiền ông C và bà T còn nợ lại từ tháng 5/2014 đến khi mãn hụi tháng 10/2014 là: 06 tháng x 1.000.000 đồng x 02 phần = 12.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 15-01-2013 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, có 26 phần, ông C và bà T tham gia 02 phần. Sau khi hốt kỳ khui hụi tháng 3/2013 và tháng 6/2013, ông C và bà T đóng hụi đến hết tháng 4/2014 thì ngưng cho đến nay. Số tiền ông C và bà T còn nợ lại từ tháng 5/2014 đến khi mãn hụi tháng 02/2015 là: 10 tháng x 1.000.000 đồng x 02 phần = 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng ông C và bà T còn nợ ông P và bà M số tiền đóng hụi chết vào tháng 4/2014 là 300.000 đồng. Đến ngày 22/9/2014 (âm lịch), ông C và bà T làm biên nhận nợ với số tiền 32.300.000 đồng, đến ngày 29/3/2021 đã trả được 5.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Nay ông P và bà M yêu cầu ông C và bà T cùng có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ lại là 27.300.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông C và bà T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà T.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Nguyên đơn ông P và bà M đã cung cấp 02 tờ "giao kèo chơi hụi" thể hiện quá trình làm chủ hụi, ông C và bà T có tham gia giao dịch, số phần tham gia vào các dây hụi nêu trên là thực tế có xảy ra. Sau khi ông C và bà T hốt hụi không đóng lại hụi chết, đến ngày 22-9-2014 (âm lịch), ông C và bà T làm biên nhận thể hiện còn nợ hụi với số tiền 32.300.000 đồng. Biên nhận này phù hợp với số tiền hụi còn nợ lại được bà T thừa nhận tại "Biên bản hòa giải" ngày 20-11-2020 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M. Sau khi làm biên nhận nợ, đến ngày 29-3-2021, vợ chồng ông C và bà T đã trả được 5.000.000 đồng. Như vậy, xác định ông C và bà T còn nợ ông P và bà M số tiền hụi 27.300.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, ông C và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông P và bà M được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 27.300.000 đồng x 5% = 1.365.000 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu P và bà Mai Thị M. Buộc ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hữu P và bà Mai Thị M số tiền hụi còn nợ lại là 27.300.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.365.000 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), chưa nộp.

Hoàn trả cho ông Lê Hữu P và bà Mai Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 683.000 đồng (Sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0010199 ngày 14-01-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Ông Lê Hữu P và bà Mai Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Dương Minh Út**